Người ký: Trung tâm Phục vụ hành chính công
Email: vanthu-kontum@chinhphu.vn
Cơ quan: Tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 11.11.2021 10:24:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30/2021/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 29 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 107/TTr-STP ngày 11 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2015

của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND Ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung và hoạt động phối hợp; phối hợp, huy động sự tham gia của các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố *(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)*; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã)* và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Khách quan, công khai, minh bạch.

2. Thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

3. Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lắp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Nhà nước đã được pháp luật quy định.

5. Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và Nhân dân.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

3. Tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

4. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.

5. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

6. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Báo cáo về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Chương II
HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 4. Phối hợp xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 01 của năm Kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

2. Căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, ngành quản lý, Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp và thực tiễn thi hành pháp luật, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, địa phương mình gửi về Sở Tư pháp trước ngày 15 tháng 02 để theo dõi, tổng hợp; Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương mình gửi về Phòng Tư pháp trước ngày 20 tháng 02 để theo dõi, tổng hợp.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương không liên quan đến lĩnh vực trọng tâm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động lựa chọn thêm lĩnh vực chuyên ngành để theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Nội dung của Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện trên cơ sở lĩnh vực trọng tâm của tỉnh, các văn bản có liên quan và quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP *(sau đây gọi là Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).*

Điều 5. Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật

1. Trên cơ sở kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý Nhà nước được giao.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, đánh giá tác động tích cực, tác động tiêu cực của việc thi hành các quy định của pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 10a Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật *(sau đây gọi là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ),* được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP *(sau đây gọi là Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ).*

Điều 6. Phối hợp tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp.

b) Kiểm tra, đối chiếu tính xác thực thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

c) Sau khi kiểm tra, đối chiếu tính xác thực, thông tin về tình hình thi hành pháp luật được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 4 Điều 1 Nghị định 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4, Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ, được bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 7 Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, tổng hợp thông tin về tình hình thi hành pháp luật do tổ chức, cá nhân cung cấp.

b) Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Kiểm tra, đối chiếu tính xác thực thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

d) Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c khoản này.

Điều 7. Phối hợp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

1. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

a) Căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

b) Nội dung kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, giúp giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

b) Việc bảo đảm các điều kiện về biên chế, kinh phí theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

c) Việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

d) Việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

đ) Công tác phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

e) Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

Điều 8. Phối hợp điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, tiến hành điều tra, khảo sát theo Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm; Phòng Tư pháp và công

chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tiến hành điều tra, khảo sát theo Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát theo dõi tình hình thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công quản lý; chủ trì thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

3. Việc điều tra, khảo sát thông qua phiếu khảo sát, hội thảo, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác. Căn cứ yêu cầu của việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, huy động cộng tác viên tham gia hoạt động điều tra, khảo sát.

4. Nội dung điều tra, khảo sát và đối tượng chủ yếu được điều tra, khảo sát được thực hiện theo quy định định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 9. Phối hợp xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ, được bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 7 Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp, nghiên cứu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong báo cáo hàng năm gửi Sở Tư pháp.

3. Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và xử lý hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Đối với các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp, các cơ quan

chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị gửi Sở Tư pháp trong quý I năm sau kỳ báo cáo.

4. Trong trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc quyết định áp dụng pháp luật chưa bảo đảm tính chính xác, vi phạm quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thì Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kịp thời đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp có quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền được quy định tại Điều 120 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 10. Phối hợp báo cáo tình hình thi hành pháp luật

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau:

1. Báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện *(qua Phòng Tư pháp)* về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương chậm nhất vào ngày 02 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Tư pháp)* về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Sở Tư pháp tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tham mưu xây dựng báo cáo chung của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 07 tháng 12 của kỳ báo cáo để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

d) Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.

Nội dung báo cáo theo theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật.

Nội dung báo cáo theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền.

Chương III
PHỐI HỢP, HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 11. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật.

c) Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

d) Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

đ) Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.

Điều 12. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học được huy động tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên quy định

tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Cơ quan Nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật có thể huy động sự tham gia của cộng tác viên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Ký hợp đồng với cộng tác viên thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

6. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Tổng hợp, xây dựng Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm theo quy định tại điểm c, điểm d, khoản 1 Điều 10 và báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Quy chế này trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

8. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Quy chế này.

3. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

4. Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm trên cơ sở Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của ngành, lĩnh vực quản lý.

5. Thực nhiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

6. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm theo quy định điểm b, điểm d, khoản 1 Điều 10 và báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

3. Phối hợp Sở Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm theo quy định điểm b, điểm d, khoản 1 Điều 10 và báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Quy chế này.

5. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

c) Tổ chức điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

d) Tổng hợp, xây dựng Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm theo quy định điểm b, điểm d, khoản 1 Điều 10 và báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Quy chế này trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Tư pháp tổng hợp).*

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân cấp huyện, các cơ quan khác có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý.

e) Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Phòng Tư pháp, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo, đôn đốc, tự kiểm tra các công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện và các lĩnh vực trọng tâm khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

3. Phối hợp với Phòng Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định trên địa bàn quản lý.

4. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm theo quy định điểm a, điểm d, khoản 1 Điều 10 và báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Quy chế này.

5. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện.

6. Chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cấp cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc cấp nào do ngân sách Nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc thì phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải đáp hoặc tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.